

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ -ST

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN T PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga và bà Vũ Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luận – Thẩm tra viên Tòa án Nhân dân T phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân T phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án Nhân dân T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 60/QĐST- HNGĐ ngày 12/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh N , sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Tổ dân phố Trong Ngoài, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Anh Phùng Quang T , sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn S (nay là thôn N), xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam (viết tắt Agribank); địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, phường T Công, quận Ba Đình, T phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T , Tổng giám đốc Agribank;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Ngọc Tú, Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc.

Người được ủy quyền lại: Bà Đỗ Thị Hương Giang, Giám đốc Phòng giao dịch Nam Vĩnh Yên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Vĩnh Phúc (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16 tháng 11 năm 2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Minh N trình bày:

Chị kết hôn với anh Phùng Quang T ngày 30/11/2006 trên cơ sở tự nguyện được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại thị xã Phúc Yên, đến năm 2007 vợ chồng về ở cùng gia đình chị N tại thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, năm 2012 chị N đi học đại học thì anh T về Thanh Trù ở còn 2 con của anh chị vẫn ở cùng với mẹ chị N. Đến năm 2016 chị N và 02 con về ở với anh T tại xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không quan tâm đến vợ con, mặt khác chị nghi ngờ anh có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2018, do mâu thuẫn vợ chồng chị N đã về nhà mẹ đẻ ở khoảng 1 tháng, sau đó được gia đình dàn xếp nên chị lại quay về chung sống với anh. Tuy nhiên sau khi chị về chung sống, vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, căng thẳng là ngày 06/11/2020. Hôm đó chị đi làm rồi đưa con đi học và chờ cháu học xong để đón cháu về khoảng 9 giờ, khi chị về hai vợ chồng cãi nhau, anh T dùng tay bóp cổ, dùng dao kề vào cổ chị có sự chứng kiến của bố anh T, mẹ đẻ, em gái chị cùng các con của chị. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Quang T.

Bị đơn anh Phùng Quang T tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai, hòa giải anh T xác nhận lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống là đúng. Song nguyên nhân mâu thuẫn do chị N thường xuyên đi làm về muộn, mặc dù anh đã góp ý nhưng chị N không sửa chữa. Ngày 06/11/2020 chị N đi làm về muộn, anh gọi điện thì chị không nghe, khi chị về vợ chồng cãi nhau, do bức tức anh có đánh chị. Về việc chị N khai anh có dùng tay bóp cổ và dùng dao kề vào cổ chị là do hôm đó anh có uống rượu nên không nhớ mình đã có hành vi gì với chị N, còn bình thường vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Nay chị N xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Phùng Quang K, sinh ngày 24/9/2007 và Phùng Quang H, sinh ngày 28/6/2009 (hiện hai cháu đang ở với

anh T). Ly hôn chị N và anh T đều yêu cầu được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị N làm Bác sỹ của Trung tâm y tế thành phố P, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/ tháng, còn anh T làm nghề lái xe tự do, theo anh thu nhập khoảng 30.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Năm 2008, vợ chồng xây dựng một ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 60m² với số tiền khoảng 50.000.000đ, trên thửa đất số 643, tờ bản đồ số 27, diện tích 88,1m²; địa chỉ: Thôn Nam, Thanh Trù, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc, được UBND T phố Vĩnh Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt QSDĐ) ngày 06/06/2013 mang tên anh Phùng Quang T . Nguồn gốc đất do anh T được bố mẹ tặng cho riêng. Nay đối với tài sản là nhà và một số vật dụng trong gia đình, chị N để cho anh T sử dụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, công sức : Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị N và anh T xác nhận ngày 04 tháng 7 năm 2014, anh Phùng Quang T có ký kết hợp đồng tín dụng với Phòng giao dịch Nam Vĩnh Yên, Agribank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nâng cấp xây dựng nhà ở, xây dựng cửa hàng, thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất: 12%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay. Để đảm bảo khoản vay anh T đã thế chấp quyền sử dụng diện tích: 88,1m² đất, tại thửa đất số 643, tờ bản đồ số 27, theo giấy chứng nhận QSDĐ số BN 023248 do UBND T phố Vĩnh Yên cấp ngày 06/06/2013 mang tên anh Phùng Quang T . Khi ly hôn anh T và chị N thống nhất mỗi người chịu ½ khoản nợ trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam (viết tắt Agribank) do bà Đỗ Thị Hương Giang là người được ủy quyền lại trình bày: Ngày 04 tháng 7 năm 2014, anh Phùng Quang T và Phòng giao dịch Nam Vĩnh Yên, Agribank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc cùng nhau ký Hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-201400808 để vay số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích để sửa chữa nâng cấp xây dựng nhà ở, xây dựng cửa hàng, thời hạn cho vay: 36 tháng, lãi suất: 12%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay. Để đảm bảo khoản vay anh T đã thế chấp quyền sử dụng diện tích: 88,1m² đất, tại thửa đất số 643, tờ bản đồ số 27, theo giấy chứng nhận QSDĐ số BN 023248 do UBND T phố Vĩnh Yên cấp ngày 06/06/2013 mang tên anh Phùng Quang T ; địa chỉ: Thôn Nam, xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc (Hợp đồng thế chấp số 31 ngày 25/06/13-PGDNVY). Quá trình thực hiện hợp đồng anh T đã trả được 68.000.000đ tiền gốc và 14.800.832đ tiền lãi cho Ngân hàng.

Ngày 15/3/2018 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu độc lập và nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập trong vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị N và anh T. Tòa án đã thụ lý yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam. Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh T và chị N phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 29/7/2021 là 107.806.301đ, trong đó tiền gốc là 32.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 56.160.601đ, tiền lãi quá hạn là 19.645.700đ và tiền lãi phát sinh từ 30/7/2021 theo lãi suất của hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-201400808 cho đến khi anh T, chị N tất toán khoản vay. Trường hợp anh T, chị N không trả được số tiền trên cho ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích: 88,1m² đất, tại thửa đất số 643, tờ bản đồ số 27; địa chỉ: Thôn Nam, xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận QSDĐ số BN 023248 do UBND T phố Vĩnh Yên cấp ngày 06/06/2013 mang tên anh Phùng Quang T (Theo Hợp đồng thế chấp số 31 ngày 25/06/13-PGDNVY) để trừ vào khoản nợ của anh T, chị N.

Quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã đi đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2021 đối với thửa đất số 643, tờ bản đồ số 27, diện tích: 88,1m² đất; địa chỉ: Thôn Nam, xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận QSDĐ số BN 023248 do UBND T phố Vĩnh Yên cấp ngày 06/06/2013 mang tên anh Phùng Quang T. Sau khi đo đạc xem xét diện tích thực tế là 82,7m², thiếu so với giấy chứng nhận QSDĐ. Tuy nhiên về mốc giới các hộ xung quanh đã sử dụng mốc giới ổn định, không có tranh chấp gì, việc thiếu trên là do sai số khi đo đạc cấp giấy chứng nhận QSDĐ, các đương sự không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Minh N vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Vĩnh Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 37, 56, 57, 60, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Cho chị Trần Thị Minh N được ly hôn anh Phùng Quang T; về con chung: Giao cháu Phùng Quang H, sinh ngày 28/6/2009 cho chị Trần Thị Minh N trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phùng Quang K, sinh ngày 24/9/2007 cho anh Phùng Quang T trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản chung, tài sản riêng, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết; về công nợ: Chấp nhận yêu cầu độc

lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam. Buộc anh Phùng Quang T và chị Trần Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam số tiền tính đến hết ngày 29/7/2021 là 107.806.301đ, trong đó tiền gốc là 32.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 56.160.601đ, tiền lãi quá hạn là 19.645.700đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/7/2021 theo lãi suất của hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-201400808 cho đến khi anh T, chị N tất toán khoản vay. Nghĩa vụ của anh T và chị N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ khoản nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam với số tiền tính đến hết ngày 29/7/2021 là 53.903.150đ. Nếu anh T, chị N không trả được số tiền trên cho ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng tại thửa đất số 643, tờ bản đồ số 27, diện tích 88,1m² đất (Theo biên bản đo đạc, xem xét tại chỗ ngày 09/6/2021 diện tích là 82,7m²); địa chỉ: Thôn Nam, xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo giấy chứng nhận QSDĐ số BN 023248 do UBND T phố Vĩnh Yên cấp ngày 06/06/2013 mang tên anh Phùng Quang T (Theo Hợp đồng thế chấp số 31 ngày 25/06/13-PGDNVY ký ngày 25/06/2013).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình (tranh chấp về ly hôn và nuôi con) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh N và anh Phùng Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N nghi ngờ anh T có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau, có lần đánh nhau. Năm 2018 do vợ chồng mâu thuẫn, chị N đã về nhà mẹ đẻ ở một thời gian, sau đó được gia đình khuyên giải nên chị quay về chung sống với anh T. Tuy nhiên sau khi về chung sống thì tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt, nhiều lần cãi cọ, đánh nhau. Do công việc của chị N là bác sỹ hay phải đi sớm về muộn, anh T không thông cảm cho chị. Ngày 06/11/2020, khi thấy chị đi làm về muộn anh T

đã đánh chị, dùng dao dọa chị, vợ chồng sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm từ ngày 06/11/2020 cho đến nay. Tòa án đã xác minh tại địa phương và lấy lời khai của bố anh T được cung cấp anh chị có mâu thuẫn cãi cọ nhau. Quá trình làm việc tại Tòa án anh T xin được đoàn tụ. Tòa án đã triệu tập anh T, chị N đến để hòa giải, nhưng anh T không đến làm việc, điều đó thể hiện việc anh T đề nghị đoàn tụ là không đúng thực tâm mong muốn, anh T cũng không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phùng Quang K, sinh ngày 24/9/2007 và Phùng Quang H, sinh ngày 28/6/2009 (hiện hai cháu đang ở với anh T). Ly hôn chị N và anh T đều yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con và chăm sóc con chung của chị N và anh T đều chính đáng, tuy nhiên nếu giao cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy cần giao cho mỗi người nuôi một cháu để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cho các cháu được tốt nhất. Chị N có nguyện vọng nuôi cháu thứ hai nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị được nuôi cháu H, để anh T nuôi cháu K. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng và công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết theo nguyên tắc quyền quyết định và định đoạt của đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về công nợ: Anh T, chị N đều xác nhận năm 2014 anh T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam số 2800-LAV-201400808 ngày 04 tháng 7 năm 2014 để vay số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích để sửa chữa nâng cấp xây dựng nhà ở, xây dựng cửa hàng, thời hạn cho vay: 36 tháng, Lãi suất: 12%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay. Để đảm bảo khoản vay anh T đã thế chấp quyền sử dụng tại thửa đất số 643, tờ bản đồ số 27, diện tích: 88,1m² đất (Theo đo đạc thực tế diện tích là 82,7m²); địa chỉ: Thôn Nam, xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên, theo giấy chứng nhận QSDĐ số BN 023248 do UBND T phố Vĩnh Yên cấp ngày 06/06/2013 mang tên anh Phùng Quang T (Hợp đồng thế chấp số 31 ngày 25/06/13-PGDNVY). Chị N và anh T xác nhận số tiền vay trên để sử dụng cho mục đích chung của gia đình là sửa chữa nâng cấp xây dựng nhà ở, xây dựng cửa hàng nên xác định đây là khoản nợ chung của anh T và chị N. Quá trình thực hiện hợp đồng anh chị đã trả được 68.000.000đ tiền gốc và 14.800.832đ tiền lãi.

Nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam có yêu cầu độc lập trong vụ án hôn nhân gia đình giữa chị N và anh T, đề nghị Tòa án buộc chị N và anh T phải trả toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 29/7/2021 cho Ngân hàng. Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam buộc anh T và chị N phải trả số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng là có căn cứ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam, buộc chị N và anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 29/7/2021 là 107.806.301đ, trong đó tiền gốc là 32.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 56.160.601đ, tiền lãi quá hạn là 19.645.700đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/7/2021 theo lãi suất của hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-201400808 cho đến khi anh T, chị N tất toán toàn bộ khoản vay. Về việc thực hiện nghĩa vụ, chị N và anh T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ khoản nợ của Ngân hàng với số tiền tính đến hết ngày 29/7/2021 là 53.903.150đ (Năm mươi ba triệu chín trăm linh ba nghìn một trăm năm mươi đồng).

Nếu anh T, chị N, không trả được số tiền trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng tại thửa đất số 643, tờ bản đồ số 27, diện tích: 88,1m² đất (Theo biên bản đo đạc, xem xét tại chỗ ngày 09/6/2021 diện tích là 82,7m²); địa chỉ: Thôn Nam, xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo giấy chứng nhận QSDĐ số BN 023248 do UBND T phố Vĩnh Yên cấp ngày 06/06/2013 mang tên anh Phùng Quang T (Theo Hợp đồng thế chấp số 31 ngày 25/06/13-PGDNVY ký ngày 25/06/2013).

[7] Về chi phí tố tụng : Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh T và chị N phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán trả cho Ngân hàng. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 37, 56, 57, 60, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí phí Tòa án,

1. Xử cho chị Trần Thị Minh N được ly hôn anh Phùng Quang T

2. Xử về con chung: Giao cháu Phùng Quang H , sinh ngày 28/6/2009 cho chị Trần Thị Minh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Phùng Quang K , sinh ngày 24/9/2007 cho anh Phùng Quang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam. Buộc anh Phùng Quang T và chị Trần Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam số tiền tính đến hết ngày 29/7/2021 là 107.806.301đ, trong đó tiền gốc là 32.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 56.160.601đ, tiền lãi quá hạn là 19.645.700đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/7/2021 theo lãi suất của hợp đồng tín dụng số 2800-LAV-201400808 cho đến khi anh T , chị N tất toán toàn bộ khoản vay. Nghĩa vụ của anh Phùng Quang T và chị Trần Thị Minh N mỗi người phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam số tiền tính đến hết ngày 29/7/2021 là 53.903.150đ (Năm mươi ba triệu chín trăm linh ba nghìn một trăm năm mươi đồng).

Nếu anh T , chị N không trả được số tiền trên cho ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 643, tờ bản đồ số 27, diện tích 88,1m² (Theo biên bản đo đạc xem xét tại chỗ ngày 09/6/2021 diện tích là 82,7m² có sơ đồ kèm theo); địa chỉ: Thôn Nam, xã Thanh Trù, T phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận QSDĐ số BN 023248 do UBND T phố Vĩnh Yên cấp ngày 06/06/2013 mang tên anh Phùng Quang T (Theo Hợp đồng thế chấp số 31 ngày 25/06/13-PGDNVY).

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về chi phí tố tụng : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Chị Trần Thị Minh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 2.695.157đ làm tròn 2.695.000đ án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán trả cho Ngân hàng, tổng cộng là 2.995.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số:

AA/2017/0007299 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Vĩnh Yên, chị N còn phải nộp tiếp số tiền 2.695.000đ (Hai triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Anh Phùng Quang T phải chịu số tiền 2.695.000đ (Hai triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán trả cho Ngân hàng.

Trả lại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam số tiền 2.500.000đ theo biên lai số AA/2017/0007415 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Vĩnh Yên.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Trù;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Hương Canh, Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Đường

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS T phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự ;
- UBND xã Thanh Trù (ĐKKH ngày 30/11/2006);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường